

Bản án số: 45/2026/HS-ST

Ngày: 15 – 4 – 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hải Nam.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga.
 - Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*
Bà Hoàng Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2026, của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với bị cáo:

Vi Văn C; tên gọi khác: Không; sinh ngày 28/5/1991, tại tỉnh Nghệ An; căn cước công dân số 040091018216, cấp ngày 26/4/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH-BCA; nơi thường trú: Bản Na L, xã M, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện tại: K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn Đ (đã chết) và bà Vi Thị Đ1; sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Tổ L1, sinh năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn; có 01 con sinh năm 2025.

- Tiền án: Ngày 12/2/2019 bị Tòa án nhân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ngày chấp hành xong hình phạt tù 24/10/2022.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 18/3/2026, bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giam trong một vụ án khác; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn C:* Bà Nguyễn Thị Thanh T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T3, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị Tố L1, sinh năm 1990; địa chỉ: K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
(Có mặt)

+ Anh Trần Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 7 năm 2025, thông qua mối quan hệ xã hội, Vi Văn C thường trú: Bản Na Lâu, xã M, tỉnh Nghệ An, tạm trú tại: K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi biết người đàn ông tên T1 (không rõ nhân thân, lai lịch) có bán ma túy nên gọi điện thoại cho T1 hỏi mua. T1 đồng ý bán ma túy cho C với giá tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). T1 hỏi C có mua súng, đạn thì T1 bán luôn cho C 01 khẩu súng K54 và 06 viên đạn với giá tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) thì C đồng ý. T1 hẹn C địa điểm đưa tiền để lấy ma túy, súng, đạn tại xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, C bắt taxi đi mang theo số tiền 34.000.000 (ba mươi tư triệu đồng), đến khu vực xã Đ thì xuống xe, đi bộ một đoạn, rồi gọi điện thoại cho T1. Qua điện thoại, T1 hướng dẫn C để tiền tại chân cột Bảng quy định Sơ họa đối với đường cấp 4, cấp 5, cách đường ĐT 671 khoảng 1,5 mét (bên lề đường). Vị trí hướng Đông Bắc, bên phải đường ĐT 671 hướng xã Đ đi xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Khi C thông báo cho T1 đã để tiền xong thì T1 nói C lấy ma túy, súng, đạn tại vị trí chân cột cổng chào thôn văn hóa thuộc thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, cách lòng đường TL 671: 0,88 mét, bên phải đường TL 671 hướng từ xã Đ đi xã N tỉnh Quảng Ngãi. Cách vị trí bảng hiệu để tiền 31,83 mét. Đến nơi, C thấy 01 bì ni lông màu đen như T1 đã nói, biết bên trong là ma túy và súng đạn nên cầm luôn và bắt xe taxi trở về chỗ ở tại xã Đ. Sau khi mang ma túy về nhà, C lấy một ít ma túy ra để dùng, thấy chất lượng kém, có dính đất nên gọi điện thoại cho T1 nhưng không liên lạc được. Chai kiểm tra có 01 khẩu súng K54 và 06 viên đạn đúng như T1 đã trao đổi trước đó. Do sợ bị phát hiện nên C lấy 01 hộp nhựa bỏ ma túy, súng, đạn vào bên trong, mang ra vườn phía sau nhà cất giấu.

Ngày 28/7/2025, C bán ma túy cho Võ Đình K với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). K đưa cho C cầm 01 điện thoại, khi nào có tiền trả sẽ lấy lại điện thoại. K mua được ma túy của C mang đi sử dụng tại nhà nghỉ V xã B, tỉnh Quảng Ngãi thì bị phát hiện, bắt quả tang. Ngày 29/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vi Văn C tại khối A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả phát hiện, thu giữ được toàn bộ số ma túy còn lại cùng 01 (một) khẩu súng K54 và 06 viên đạn ở khu vực bãi đất trống phía sau nhà, cách cửa ra vào 05 mét. Mục đích C mua súng, đạn để phòng thân, C chưa sử dụng lần nào.

Đối với hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy của Vi Văn C đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố, điều tra theo thẩm quyền. Hiện vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý và xét xử.

Tại bản Kết luận giám định số 815/KL-KTHS ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận:

- 01 (một) khẩu súng gửi giám định là súng ngắn K-54, súng còn sử dụng để bắn được; thuộc vũ khí quân dụng theo khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024.

- 06 (sáu) viên đạn gửi giám định là loại đạn cỡ 7,62 x 25mm, đạn còn sử dụng để bắn được; thuộc vũ khí quân dụng theo khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024.

- Sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn nổ được các viên đạn gửi giám định.

* Tại bản Cáo trạng số 14A/CT-VKSQNI-P1 ngày 13/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Vi Văn C, về tội: *“Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”* quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vi Văn C phạm tội *“Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”*.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn C từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 bộ luật hình sự tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 khẩu súng K54 và 03 viên đạn còn lại sau giám định hiện được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Q quản lý.

- *Về án phí*: Buộc bị cáo Vi Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Luận cứ bào chữa của Trợ giúp pháp lý Nguyễn Thị Thanh T cho bị cáo Vi Văn C:

Thống nhất về tội danh, hành vi theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố đối với bị cáo Vi Văn C. Tuy nhiên, cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T2 như quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc có trình độ văn hoá thấp nên hạn chế về hiểu biết pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù.

Bị cáo Vi Văn C thống nhất với luận cứ bào chữa của người bào chữa và không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của anh H không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử.

[II] Về nội dung: Xét hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn C khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng, với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Thể hiện như sau: Vào đầu tháng 7 năm 2025, thông qua việc hỏi mua ma túy từ một người đàn ông tên T1 (không rõ lai lịch), C đã đồng ý mua thêm 01 khẩu súng và 06 viên đạn với giá 14.000.000 đồng. Chai mang theo tổng cộng 34.000.000 đồng (bao gồm cả tiền mua ma túy) đến khu vực xã Đ theo hướng dẫn của T1 qua điện thoại. Chai để tiền tại chân cột Bảng quy định Sơ họa đối với đường cấp 4, cấp 5, cách đường ĐT 671 khoảng 1,5 mét, sau đó đến chân cột Cổng chào thôn văn hóa thuộc Thôn A, xã Đ để nhận súng, đạn và ma túy. Sau khi mang súng và đạn về nơi tạm trú tại xã Đ, C đã cho toàn bộ súng và đạn vào một hộp nhựa rồi mang ra chôn giấu tại bãi đất trống phía sau nhà. Mục đích của C khi mua số vũ khí này là để phòng thân và bị cáo khai nhận chưa sử dụng lần nào.

Tại bản Kết luận giám định số 815/KL-KTHS ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận:

- 01 (một) khẩu súng gửi giám định là súng ngắn K-54, súng còn sử dụng để bắn được; thuộc vũ khí quân dụng theo khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024.

- 06 (sáu) viên đạn gửi giám định là loại đạn cỡ 7,62 x 25mm, đạn còn sử dụng để bắn được; thuộc vũ khí quân dụng theo khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024.

- Sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn nổ được các viên đạn gửi giám định.

Vậy hành vi của bị cáo Vi Văn C đã phạm tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

[III] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, vi phạm quy định Nhà nước về quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, gây mất trật tự trị an, gây nguy hiểm cho xã hội.

[III.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vi Văn C có hành vi phạm tội trong thời gian chưa được xoá án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[III.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà bị cáo Vi Văn C thành khẩn khai báo nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[III.3] Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo Vi Văn C đã có hành vi phạm tội nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo C đã từng bị xét xử và chấp hành án nhưng không coi đó là bài học mà tiếp tục phạm tội nên cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc để nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo.

[IV] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là vũ khí quân dụng, vật liệu nổ giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ngãi tiêu huỷ theo quy định.

[V] Đối với những người có liên quan trong vụ án:

[V.1] Đối tượng T1 là người bán súng, đạn cho bị cáo C, hiện không đủ thông tin, tài liệu để xác minh nhân thân lai lịch. Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[V.2] Anh Trần Văn H cho Vi Văn C thuê nhà để ở, anh H không biết việc Chai mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng nên không có căn cứ để xử lý đối với anh H.

[V.3] Chị Nguyễn Thị Tố L1 là người sống cùng Vi Văn C tại khối A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nhưng không biết hành vi mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng của C; bị cáo C không nói cho L1 biết nên không có căn cứ để xử lý đối với chị L1.

[VI] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[VI.1] Đề nghị của người bào chữa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[VII] Về án phí: Buộc bị cáo Vi Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Bị Cáo Vi Văn C phạm tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Văn C 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án theo bản án số 45/2026/HS-ST ngày 15/4/2026 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Q quản lý, tiêu huỷ theo quy định:

01 (một) khẩu súng ngắn K54.

03 viên đạn loại cỡ 7,62 X 25 mm (còn lại sau giám định).

Số lượng, đặc điểm vật chứng Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Q và đại đội kho vũ khí đạn, phòng Hậu cần kỹ thuật - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Q ngày 07/4/2026.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Vi Văn C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

[4] Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo đối với phần liên quan với mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Nam

